

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Quảng Ngãi – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung</p> <p>Địa chỉ: 270 đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.</p> <p>Mã số thuế: 0400101394-006.</p> <p>Số tài khoản: 6511110999999, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Quảng Ngãi</p> <p>Điện thoại: (84-255) 2210.222.</p> <p>Số Fax: (84-255) 2220.222.</p> <p>Email: cuongqp@cpc.vn</p>
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình bao gồm: Cung cấp vật tư và thi công xây lắp toàn bộ công trình: Hoàn thiện lưới điện THA khu vực các xã Ngọc Tụ, Đăk Tô, Đăk Sao, Tu Mơ Rông, Măng Ri tỉnh Quảng Ngãi năm 2026</p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm Công trường tại khu vực các xã Ngọc Tụ, Đăk Tô, Đăk Sao, Tu Mơ Rông, Măng Ri tỉnh Quảng Ngãi và được xác định trong Bản vẽ mặt tuyến kèm theo E-HSMT</p>
E-ĐKC 1.16	<p>Ngày hoàn thành là: Ngày công trình được nghiệm thu đưa vào công trình vào sử dụng</p>
E-ĐKC 1.17	<p>Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 225 ngày (Thời gian xin giấy phép và thi công xây dựng: Không quá 180 ngày kể từ ngày khởi công đến khi đưa công trình vào sử dụng; Thời gian quyết toán hợp đồng: Không quá 45 ngày kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng và bàn giao)</p>
E-ĐKC 1.18	<p>Ngày khởi công là: Ngày Chủ đầu tư thông báo khởi công xây dựng công trình.</p>
E-ĐKC 1.19	<p>Nhà thầu là: ___ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].</p>
E-ĐKC 1.29	<p>- Tư vấn quản lý dự án:</p>

	<p>Công ty Điện lực Quảng Ngãi – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung</p> <p>Địa chỉ: 270 đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: (84-255) 2210.222.</p> <p>- Tư vấn giám sát là: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát</i>];</p> <p>.....</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Điện thoại:</p>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Biểu giá và các Phụ lục); 2. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; 3. Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng. 4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (ĐKCT); 6. Điều kiện chung của hợp đồng (ĐKC); 7. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ E-HSĐT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); 8. E-HSMT và các tài liệu bổ sung, làm rõ E-HSMT (nếu có). 9. Thoả thuận liên danh (nếu là nhà thầu liên danh). 10. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng</p> <p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến __ [<i>căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định</i>]. Hết ngày thứ 28 sau khi bên B hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng và bên A nhận được bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, bên B</p>

sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

Trường hợp bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên A, mức bảo đảm tương ứng với phân giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3% giá trị của hợp đồng cho bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Nếu bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà bên B phải khắc phục thì bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày [ghi số ngày cụ thể nhà thầu sẽ phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng, thông thường là 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu

	<i>hết hiệu lực</i>] ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 01 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà thầu đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [<i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i>].
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành, đưa công trình vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Công trình được thực hiện trên địa bàn khu vực các xã Ngọc Tụ, Đăk Tô, Đăk Sao, Tu Mơ Rông, Măng Ri tỉnh Quảng Ngãi

E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày Chủ đầu tư giao mặt bằng cho Nhà thầu và lập biên bản bàn giao mặt bằng
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành thương lượng: 30 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thương lượng: Các bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến các hợp đồng bằng cách thương lượng. - Nếu thương lượng không thành công, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại nơi chủ đầu tư đặt trụ sở để giải quyết theo quy định của pháp luật. - Nhà thầu có thời hạn 56 ngày (kể từ ngày chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trong tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: _____ [<i>ghi ngày dự định khởi công</i>]. - Ngày hoàn thành dự kiến: _____ [<i>ghi ngày hoàn thành dự kiến</i>].
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 15 ngày. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 5.000.000 VND [<i>ghi số tiền</i>].
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: _____ [<i>ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)</i>].
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: <i>Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ vật</i>

	<p><i>tu, vật liệu, mẫu, kết quả kiểm nghiệm, catalogue, biên bản thí nghiệm các loại thiết bị trước khi đưa vào công trình.</i></p> <p><i>Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư cấp cho công trình.</i></p>
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: cố định
E-ĐKC 42.1	<p>- Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng ký kết và không quá kế hoạch vốn EVNCPC bố trí cho công trình.</p> <p>- Thời gian tạm ứng: 20 ngày kể từ ngày công trình được bố trí vốn và Chủ đầu tư nhận được hồ sơ đề nghị tạm ứng hợp lệ của Nhà thầu.</p> <p>- <i>Hồ sơ tạm ứng:</i></p> <p>+01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>+ 02 bản chính Giấy đề nghị tạm ứng.</p> <p>+ 01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>- Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu quy định trong hợp đồng với giá trị tương ứng giá trị được tạm ứng nêu trên và có thời gian hiệu lực đến hết ngày thứ 28 sau khi bên B hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng hoặc đến khi bên Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng tùy điều kiện nào đến trước</p> <p>- <u>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng:</u> Nếu bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu bên B không giao nộp đúng hạn, bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do bên B chi trả.</p> <p><u>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:</u> Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) bên A có bằng chứng trong việc bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) bên B không gia hạn</p>

	<p><i>Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</i></p> <p><i>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</i></p> <p><i>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</i></p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng."</i></p> <p>- Quản lý chi phí tạm ứng:</p> <p><i>Sau khi ký hợp đồng, nhà thầu phải trình cho CĐT kế hoạch sử dụng tiền tạm ứng (như mua xi măng, sắt thép xây dựng, thép mạ kẽm, thuê nhân công, ...), trong đó có thể hiện các mốc tiến độ vật tư được tập kết đến công trường. Nhà thầu có trách nhiệm nộp cho CĐT các tài liệu chứng minh về sử dụng tiền tạm ứng như hợp đồng, chứng từ thanh toán. CĐT sẽ kiểm soát tiến độ cung cấp vật tư đến công trường theo kế hoạch. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu sử dụng khoản tạm ứng không đúng cho công trình thì sẽ tiến hành thu bảo lãnh tạm ứng của nhà thầu.</i></p> <p>- Phương thức thu hồi tiền tạm ứng: <i>Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán (giảm trừ 30% giá trị khối lượng thực hiện mỗi đợt thanh toán) và phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết.</i></p> <p><i>Bên B phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi bên A kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng.</i></p> <p><i>Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A.</i></p> <p><i>Trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng, toàn bộ khoản tạm ứng sẽ được thu hồi thông qua bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng đã phát hành cho nhà thầu.</i></p>
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

- Các lần thanh toán: Không quá 05 lần.

- Giá trị thanh toán các đợt: Chủ đầu tư sẽ thanh toán 90% giá trị thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ xây lắp nghiệm thu từng phần đã được các Bên xác nhận.

Sau khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng, hai Bên đã thực hiện quyết toán khối lượng hoàn thành và công trình đã được phê duyệt quyết toán hoàn thành, Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 95% giá trị quyết toán. Chủ đầu tư giữ lại số tiền bằng 05% giá trị quyết toán để Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình; hoặc Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% giá trị quyết toán cho Nhà thầu sau khi Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành với giá trị bằng 05% giá trị quyết toán.

* Thời hạn thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày công trình được bố trí vốn và Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

* Thanh toán tiền giữ lại:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền giữ lại cho Nhà thầu khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định

- Hồ sơ thanh toán tiền giữ lại: Giấy đề nghị thanh toán và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc trong thời hạn bảo hành.

* Đồng tiền và hình thức thanh toán:

- Đồng tiền thanh toán: Giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

* Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

* Hồ sơ thanh toán:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện nhà tư vấn giám sát và đại diện Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này được bóc tách riêng khối lượng vật tư thiết bị đã thi công hoàn thành theo từng hạng mục công trình, từng khu vực, từng xuất tuyến, từng cấp điện áp theo quy định của Chủ đầu tư và là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo Hợp đồng

	<p>(phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế được phê duyệt);</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảng quyết toán khối lượng vật tư do Chủ đầu tư cấp (nếu đợt thanh toán này có nghiệm thu khối lượng vật tư do Chủ đầu tư cấp); + Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện nhà tư vấn giám sát và đại diện Nhà thầu; + Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng được tách riêng theo từng hạng mục công trình, từng khu vực, từng xuất tuyến, từng cấp điện áp, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu; <p style="padding-left: 40px;">+ Hồ sơ thanh toán theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính.</p>
<p>E-ĐKC 45</p>	<p>Điều chỉnh thuế: <i>được phép.</i></p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”</i></p>
<p>E-ĐKC 46.1</p>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10%</p> <p><i><u>Bảo lãnh bảo hành:</u> Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5% giá trị Quyết toán.</i></p> <p><i><u>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:</u> Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</i></p>

	<p><i>Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.</i></p> <p><i>Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</i></p> <p><i>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</i></p> <p><i>Thời gian bảo hành công trình: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</i></p>
<p>E-ĐKC 47.1(d)</p>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <p><i>* Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Việc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng.</i> - <i>Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh. Khối lượng phát sinh hợp lý và được xác định là không phải lỗi của nhà thầu thì sẽ được thanh toán và giá trị phát sinh phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i> - <i>Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá phát sinh.</i> <p><i>Phương pháp xác định giá trị phát sinh như sau:</i></p> <p><i>a. Trường hợp công việc phát sinh có đơn giá trong hợp đồng đã ký:</i></p>

	<p>- Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá của công việc tương ứng đã có trong hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng trước đó (nếu có).</p> <p>b. Trường hợp công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng:</p> <p>Trên cơ sở dự toán của công việc phát sinh được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá và giá trị phát sinh trước khi thực hiện trên nguyên tắc không vượt đơn giá và giá trị dự toán công việc phát sinh đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.</p> <p>** Điều chỉnh tiến độ: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra”.</p> <p>d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.</p>
<p>E-ĐKC 47.7</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % [nếu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%] giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 49.1</p>	<p>Mức phạt:</p> <p>1. Về chậm tiến độ:</p> <p>Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu:</p> <p>+ Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt (12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm), hoặc</p> <p>+ Nếu sau 02 lần phải điều chỉnh Tiến độ cấp 2 (đã được Chủ Đầu tư chấp thuận) mà nhà thầu vẫn tiếp tục không đạt tiến độ cấp 2 (Mỗi</p>

lần điều chỉnh tiến độ, Chủ Đầu tư gửi nhà thầu 01 văn bản cảnh báo).

- Các mức phạt:

Trong trường hợp nhà thầu vi phạm Biểu tiến độ thi công chi tiết tại **ĐKC 29.4** thì Nhà thầu sẽ bị phạt như sau:

- Trong thời gian thực hiện thi công, nhà thầu vi phạm tiến độ cấp 2 thì mức phạt tiến độ của mỗi tuần vi phạm được quy định như sau:

+ Phạt 1%/tuần phần Hợp đồng bị vi phạm chậm cho mỗi tuần chậm trễ so với tiến độ cấp 2 được duyệt.

+ Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.

2. Về vi phạm chất lượng:

- Trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng công trình, ngoài việc bồi thường mọi kinh phí sửa chữa theo quy định tại **E-ĐKC 49.2**, nếu việc sửa chữa phải kéo dài thời gian hoàn thành theo tiến độ cấp 2 được duyệt hoặc thời gian hoàn thành công trình dẫn đến chậm trễ tiến độ của công trình thì mức phạt được tiếp tục áp dụng như xử lý phạt do chậm tiến độ ở khoản 1 nói trên

3. Các nội dung khác trong quá trình thực hiện hợp đồng:

a) Nhà thầu không đảm bảo đúng theo số lượng và thành phần về công tác nhân sự trên công trường theo quy định trong Hợp đồng

- Lần 01: Có văn bản nhắc nhở gửi Nhà thầu.

- Lần 02: Lập biên bản, tiếp tục có văn bản gửi cho Nhà thầu và phạt mỗi lần vi phạm 0,5 % phần giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Lần 03: Xem xét đình chỉ thi công và chấm dứt hợp đồng (trong thời gian xem xét đình chỉ thi công và chấm dứt hợp đồng thì Nhà thầu vẫn bị phạt hợp đồng theo mức phạt vi phạm 0,5 % phần giá trị hợp đồng bị vi phạm).

b) Nhà thầu thực hiện khối lượng thi công thực tế chậm so với khối lượng trong tiến độ cấp 2 đã đăng ký và được Nhà thầu duyệt:

- Chậm 01 tuần: Có văn bản nhắc nhở gửi Nhà thầu.

- Chậm 02 tuần (nếu Nhà thầu không có biện pháp đẩy nhanh tiến độ thi công): Lập biên bản, tiếp tục có văn bản gửi cho Nhà thầu và phạt vi phạm 0,5 % phần giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Chậm 03 tuần: Chủ đầu tư có văn bản đình chỉ thi công và mời Nhà thầu làm việc để xem xét chấm dứt hợp đồng.

c) Nhà thầu không có hoặc không ghi đầy đủ nhật ký thi công đến thời điểm kiểm tra:

- Lần 01: Có văn bản nhắc nhở gửi Nhà thầu.

- Lần 02 và các lần sau: Lập biên bản, tiếp tục có văn bản gửi cho Nhà thầu và phạt mỗi lần vi phạm 0,1% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm.

d) Hàng quý, Nhà thầu phải lập và nộp hồ sơ nghiệm thu theo yêu cầu của Bên mời thầu, thời gian nộp hồ sơ nghiệm thu cho bên mời thầu trước ngày 20 của tháng cuối quý. Nhà thầu chậm nộp nghiệm thu và thanh toán quý: Mỗi lần chậm phạt 0,5% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm và không giải ngân số tiền phải thanh toán cho Nhà thầu trong đợt vi phạm; đồng thời sẽ xem xét đánh giá uy tín của Nhà thầu thông qua việc thực hiện hợp đồng theo **Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/4/2025** về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá chất lượng nhà thầu thực hiện hợp đồng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

đ) Nhà thầu không báo cáo tiến độ hàng tuần hoặc báo cáo không đúng tiến độ:

- Lần 01: Có văn bản nhắc nhở gửi Nhà thầu.

- Lần 02: Lập biên bản, tiếp tục có văn bản gửi cho Nhà thầu và có văn bản mời Nhà thầu lên làm việc.

- Lần 03 và các lần sau: Lập biên bản tạm đình chỉ thi công và mỗi lần vi phạm phạt 0,01% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

e) Nhà thầu chậm tổ chức nhận vật tư do Chủ đầu tư cấp sau khi đã có phiếu xuất và Nhà thầu đã nhận phiếu hoặc chậm nhập vật tư thừa do Chủ đầu tư cấp của các hạng mục cắt bỏ đã được Chủ đầu tư thống nhất bằng văn bản:

- Chậm 10 ngày, tính từ ngày Nhà thầu nhận phiếu xuất hoặc tính từ ngày Chủ đầu tư có văn bản thống nhất cắt bỏ hạng mục: Phạt 0,2% giá hợp đồng bị vi phạm. Mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,1% giá hợp đồng bị vi phạm.

- Ngoài ra trong quá trình thi công, nếu Nhà thầu làm hư hỏng, xuống cấp hoặc thất thoát vật tư của Chủ đầu tư (bao gồm vật tư Chủ đầu tư cung cấp để thi công và vật tư thu hồi) thì Nhà thầu phải bồi thường vật tư mới theo đúng chủng loại hoặc bằng tiền (bằng vật tư mua mới tại thời điểm) cho Chủ đầu tư.

g) Nhà thầu chậm nhập VTTB thu hồi:

- Nhà thầu chậm nhập vật tư thu hồi sau khi thi công hoàn thành hạng mục công trình/ công trình đã được Chủ đầu tư nhắc nhở bằng văn bản:

- Chậm 10 ngày, tính từ ngày Chủ đầu tư nhắc nhở: Phạt 0,2% giá hợp đồng bị vi phạm (giá trị vật tư thiết bị tính theo giá vật tư thiết bị

mới cùng chủng loại, vào thời điểm phạt hợp đồng). Mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,1% giá hợp đồng bị vi phạm (giá trị vật tư thiết bị tính theo giá vật tư thiết bị mới cùng chủng loại, vào thời điểm phạt hợp đồng).

h) Nhà thầu chậm nộp hồ sơ hoàn công, nghiệm thu công trình (lần đầu/ hiệu chỉnh theo văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư):

- Trường hợp chậm nộp hồ sơ nghiệm thu để đóng điện hạng mục công trình đã đủ điều kiện theo văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư: Nếu chậm tiến độ 10 ngày kể từ ngày đủ điều kiện đóng điện thì phạt 0,5% giá hợp đồng bị vi phạm, mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,2% giá hợp đồng bị vi phạm.

- Trường hợp chậm nộp hồ sơ hoàn công để nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (lần đầu/ hiệu chỉnh theo văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư): Nếu chậm tiến độ 10 ngày kể từ ngày hạng mục cuối cùng đã thi công hoàn thành nghiệm thu đóng điện thì phạt 0,5% giá hợp đồng bị vi phạm, mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,2% giá hợp đồng bị vi phạm.

i) Kể từ ngày nghiệm thu đóng điện hạng mục/ công trình, trong vòng 30 ngày, Nhà thầu phải hoàn thành công tác quyết toán vật tư thiết bị theo từng hạng mục/ công trình, từng khu vực, từng xuất tuyến, từng cấp điện áp với Chủ đầu tư và trong vòng 15 ngày tiếp theo, Nhà thầu phải trình hồ sơ quyết toán hợp lệ cho bên A để thẩm tra, phê duyệt. Biên chế hồ sơ quyết toán theo quy định của Chủ đầu tư. Trường hợp trễ hạn nộp hồ sơ quyết toán cho Chủ đầu tư theo tiến độ hợp đồng, Nhà thầu bị phạt theo tỉ lệ như sau:

- Chậm mỗi 10 ngày đầu: phạt 0,1%/1 ngày giá trị hợp đồng.

- Chậm mỗi 10 ngày tiếp theo: phạt 0,15%/1 ngày giá trị hợp đồng.

Tổng số tiền phạt do trễ hạn nộp hồ sơ quyết toán không quá 04% giá hợp đồng.

Riêng đối với việc Nhà thầu thực hiện chậm quyết toán A-B, quyết toán vật tư thiết bị, ngoài tiền phạt hợp đồng được quy định nêu trên, Nhà thầu phải chịu toàn bộ tiền phạt do chậm quyết toán A-B, quyết toán vật tư thiết bị được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khi có kết luận (thông báo hoặc văn bản khác) của các đoàn thanh kiểm tra/ cơ quan chức năng về các khoản tiền phạt này.

k) Nhà thầu vi phạm các lỗi nặng về tiến độ và chất lượng sau đây:

- Để xảy ra lỗi không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công Nhà thầu không tự kiểm soát mà do Chủ đầu tư (hoặc tư vấn của Chủ đầu tư) phát hiện do hậu kiểm phải làm lại.

- Có hiện tượng làm hồ sơ không đúng sự thật bị phát hiện phải làm lại.

- Không đảm bảo chất lượng thi công gây sự cố sau khi đưa vào sử dụng.

- Không đảm bảo tiến độ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ của cả dự án.

Thì bị xử lý vi phạm và phạt hợp đồng:

Tùy theo mức độ nặng nhẹ sẽ bị xem xét cấm tham gia đấu thầu các công trình của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN):

- 06 tháng nếu quá 01 lần một trong các lỗi trên.

- 01 năm nếu quá 02 lần.

- 04 lần trở lên đề nghị cơ quan quản lý nhà nước thông báo trên trang thông tin của Bộ chuyên ngành và đề nghị không cho tham gia tiếp theo các dự án của EVN.

- Nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của Nhà thầu.

l) Phạt chậm tiến độ Hợp đồng đối với Nhà thầu: Nếu chậm tiến độ 10 ngày thì phạt 2% giá hợp đồng bị vi phạm, mỗi 10 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,8% giá hợp đồng bị vi phạm.

m) Nhà thầu chậm trễ việc xử lý tồn tại sau nghiệm thu kỹ thuật/ nghiệm thu đóng điện: Nếu chậm xử lý kể từ ngày Chủ đầu tư ban hành văn bản nhắc nhở 10 ngày thì phạt 0,2% giá hợp đồng bị vi phạm, mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,1% giá hợp đồng bị vi phạm.

n) Trường hợp Nhà thầu thi công không hết khối lượng hoặc không thi công trong thời gian cắt điện để thi công thì sẽ bị phạt 0,5 % phần giá trị hợp đồng bị vi phạm. Ngoài ra, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí để tổ chức thi công cho khối lượng còn lại hoặc khối lượng chưa thi công.

Mức phạt: Không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

o) Trong quá trình thi công xây lắp, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, bảo hành, bảo trì, ... công trình, trường hợp Chủ đầu tư bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng theo Nghị định số 16/2022/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 28/01/2022 thì hai Bên cùng nhau hợp để thống nhất xác định: Các hành vi vi phạm và biện pháp khắc phục (nếu có) thuộc trách nhiệm của Nhà thầu thì Nhà thầu phải tuân thủ thực hiện (nộp tiền phạt, thực hiện biện pháp khắc phục, ...) theo đúng yêu cầu của văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

	<p>Ngoài việc bị phạt theo các quy định nêu trên, nhà thầu sẽ bị đánh giá về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 18 của Nghị định 24/2024/NĐ-CP.</p>
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p> <p>1. Trong quá trình thi công hoặc thi công hoàn thành và trong thời gian bảo hành nhưng để xảy ra sự cố do chất lượng thi công của nhà thầu làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu cung cấp điện, chất lượng điện năng, nguy cơ xảy ra tai nạn điện... nhà thầu phải bồi thường thiệt hại do mất điện được tính theo công thức sau:</p> $Zbt = Gbq \times Ađn \times Tbt + Ytc$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Zbt: Giá trị bồi thường. - Gbq: Giá bán điện bình quân của Công ty Điện lực với tháng liền kề trước đó bị sự cố. - Ađn: Sản lượng mất điện do sự cố gây nên. - Tbt: Tỷ lệ bồi thường đối với trường hợp xác định không hoàn toàn do lỗi của nhà thầu. - Ytc: Chi phí đền bù để thi công khôi phục tình trạng lưới điện <p>* Và các thiệt hại thực tế khác có liên quan.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Ngoài quy định về phạt vi phạm, nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng gây ra.</p>
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: 20 ngày kể từ ngày thi công hoàn thành công trình
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 10.000.000 đồng.

E-ĐKC 56.1(a)

Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 45 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 14 (Webform trên Hệ thống)

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽¹⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 16 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ [*ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu*] và thời gian hiệu lực ____ [*căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày___ tháng___ năm___⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điện thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(2) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG

Thỏa thuận này được lập vào ngày ____/____/____ giữa

(1) [Chủ đầu tư], một tổ chức thành lập theo luật pháp [...] và có trụ sở chính tại [...] (sau đây sẽ được gọi là Chủ đầu tư)

và

(2) [Nhà thầu], một tổ chức thành lập theo luật pháp [...] và có trụ sở chính tại [...] (sau đây sẽ được gọi là Nhà thầu)

Căn cứ vào việc Chủ đầu tư giao Nhà thầu thực hiện các công tác chế tạo, cung cấp, giao hàng, bốc dỡ tại Công trường, xây dựng, lắp đặt, kiểm định, thử nghiệm, nghiệm thu, chạy thử và bảo hành Công trình/Vật tư, Thiết bị cho [Dự án] như được quy định trong Tài liệu Hợp đồng và các văn bản khác có liên quan (sau đây sẽ được gọi là Công trình) trên cơ sở Hợp đồng PC và Nhà thầu đồng ý thực hiện theo các điều khoản nêu trong Hợp đồng

Các Bên thống nhất như sau:

<p>Điều 1. Tài liệu Hợp đồng</p>	<p>1.1. Tài liệu Hợp đồng (Điều [...] ĐKC)</p> <p>Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục; b) ĐKCT đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện thỏa thuận khung (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) ĐKC; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; g) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu; h) HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT. <p>1.2. Thứ tự ưu tiên (Điều [...] ĐKC)</p> <p>Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các Tài liệu Hợp đồng</p>
---	--

	<p>nêu trên, thứ tự ưu tiên sẽ xếp theo thứ tự liệt kê tại Điều 1.1 (Tài liệu Hợp đồng).</p> <p>1.3. Định nghĩa (Điều [...] ĐKC)</p> <p>Các từ, cụm từ in hoa được sử dụng trong Hợp đồng sẽ có ý nghĩa tương tự như quy định trong phần [...] ĐKC.</p>
Điều 2. Loại hợp đồng, giá hợp đồng và thanh toán	<p>2.1. Loại hợp đồng và Giá hợp đồng (Điều [...] ĐKC)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại hợp đồng được áp dụng trên cơ sở phù hợp với quy định của E-HSMT. - Giá hợp đồng là toàn bộ chi phí để hoàn thành các hạng mục công việc của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của E-HSMT và bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. <p>2.2. Thanh toán (Điều [...] ĐKC)</p> <p>Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng trên cơ sở Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ của mình.</p> <p>Quy trình và thủ tục thanh toán quy định tại Phụ lục kèm theo (tham khảo ví dụ tại Phụ lục 1.2 thuộc Phụ lục 1 của E-HSMT).</p>
Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng	<p>Thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại ĐKC, E-HSMT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên</p>
Điều 4. Thông tin trao đổi	<p>4.1. Địa chỉ của Chủ đầu tư dùng để thông báo, theo Điều [...] ĐKC là: _____ [<i>địa chỉ của Chủ đầu tư</i>]</p> <p>4.2. Địa chỉ của Nhà thầu dùng để thông báo, theo Điều [...] ĐKC là: _____ [<i>địa chỉ của Nhà thầu</i>]</p>
Điều 5. Các Phụ lục	<p>5.1. Các phụ lục được liệt kê trong danh sách đính kèm sẽ được xem như là một phần không tách rời của Thỏa thuận hợp đồng.</p> <p>5.2. Tham chiếu trong hợp đồng đến bất kỳ Phụ lục nào sẽ có nghĩa là các Phụ lục kèm theo Thỏa thuận hợp đồng, và hợp đồng sẽ được diễn giải trên cơ sở đó.</p>
Điều 6. Hiệu lực hợp đồng	<p>6.1. Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng</p>

6.2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định

Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký kết hợp đồng bởi người đại diện có thẩm quyền:

Đại diện của Chủ đầu tư

[Chức danh]

[Chữ ký]

Đại diện của Nhà thầu

[Chức danh]

[Chữ ký]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà

thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mẫu số 14 Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng phù hợp với hợp đồng đã ký*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày _____ tháng _____ năm _____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Điều [...] E-ĐKC và E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Điều [...] E-ĐKC và E-ĐKCT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.

- Ký hợp đồng⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ

đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.